

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thành Phước.

Ông Dương Hồng Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thu Y, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số nhà A, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trầm Phú Lợi – Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thái Hải – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh; địa chỉ: Số 192, Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà A1, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu Y trình bày:*

Chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Y và anh C chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Y và anh C sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Về con

chung: Trong thời gian chung sống chị Y và anh C không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Y và anh C không có tài sản chung và nợ chung.

Nay chị Y yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Không có, nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/02/2021 nguyên đơn chị Lê Thị Thu Y có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/4/2021 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trầm Phú Lợi có đơn đề nghị vắng mặt xét xử đồng thời có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu Y về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Văn C: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Cầm nhưng anh C không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Y. Về hôn nhân: Anh C thống nhất ly hôn với chị Lê Thị Thu Y. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/12/2020, chị Lê Thị Thu Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu Y và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trầm Phú Lợi vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Y và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Y và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Y và anh C chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019.

Xét thấy, từ khi không còn sống chung đến nay, anh C không chủ động gặp chị Y để hàn gắn tình cảm, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay hôn nhân của chị Y và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị Y và anh C không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị Y yêu cầu được ly hôn với anh C là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C không có con chung, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C không có tài sản chung, chị Y không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C không có nợ chung, chị Y không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Y. Xét thấy, đề nghị của vị Luật sư là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, buộc chị Lê Thị Thu Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Trần Văn C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu Y được ly hôn với anh Trần Văn C.
2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thu Y và anh Trần Văn C không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Y được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003072 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Trần Văn C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị Thu Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

(Đã ký)

**Nguyễn Chí Hướng**